

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DSST

Ngày: 12-02-2018

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hủy hợp đồng công chứng vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Thanh;
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 07 và ngày 12/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2017/TLST - DS ngày 16-3-2017, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay và Hủy hợp đồng công chứng vô hiệu”* theo Thông báo mở phiên tòa số 03/2017/TB-TA ngày 10-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 23/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thanh P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 259, Đường Chi Lăng, Tổ 3, khóm M, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phong là luật sư Võ Phát T-Văn phòng luật sư Đức T- Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1) Phan Văn T, sinh năm 1955.

2) Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1963.

3) Phan Thị Kim N, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khóm Thuận Trung, phường Hoà Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Văn phòng Công chứng Đ.

Địa chỉ: Số 24, Đường Nguyễn Trãi, khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng Đ: Ông Trần Hữu T.
Địa chỉ: Số 24, Đường Nguyễn Trãi, khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện CL, tỉnh
Đồng Tháp. Là người đại diện theo uỷ quyền.

2/ Lê Văn Ng, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 35, tổ 2, ấp Hòa M xã Hòa A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nguyên đơn, bị
đơn Phan Văn T, Phan Thị Kim N có mặt tại phiên tòa; Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ V,
người liên quan Lê Văn Ng và Văn Phòng công chứng Đ vắng mặt có đơn xin xét
xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên hoà giải, anh Trần Thanh P trình bày: Vào ngày 02-11-2015, gia đình ông Phan Văn T có hỏi vay anh Trần Thanh P số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng có làm biên nhận vay, với lý do làm ăn mua bán, hẹn 06 tháng sau sẽ trả vốn và lãi cho anh P. Gia đình ông T, bà V, chị N đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số U 532646 với diện tích 6.728 m² cho anh P để bảo đảm cho việc trả nợ. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ vào ngày 02-11-2015.

Đến ngày hẹn, anh P không thấy gia đình ông T đến trả tiền cho anh như đã hứa, anh P có liên lạc, đến nhà nhiều lần để đòi tiền thì gia đình ông Tổng cứ hẹn và tránh mặt không trả tiền cho anh P.

Nay anh Trần Thanh P yêu cầu hộ gia đình ông Phan Văn T, Nguyễn Thị Mỹ V, Phan Thị Kim N trả cho anh số tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 16 tháng (ngày 02-11-2015 đến ngày 02-3-2017), lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền lãi là 7.200.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh P có nhận số tiền lãi 5.000.000 đồng tiền.

Anh P đồng ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1491/SCC, quyền số 01 VPCC/HĐ-GĐ/2015 của Văn phòng Công chứng Đ.

Theo đơn thay đổi yêu cầu của anh Trần Thanh P và tại phiên tòa sơ thẩm anh P có yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ V, chị Phan Thị Kim N trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận 3.000.000 đồng.

+ Yêu cầu ông Lê Văn Ng trả số tiền vay là 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận là 2.000.000 đồng.

- Theo đơn khởi kiện phản tố và tại phiên hoà giải, bị đơn Phan Văn T trình

bày: Ông Phan Văn T là người đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 6.728m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thửa 92, tờ bản đồ số 08, toạ lạc tại xã Gáo Giồng, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02-11-2015, tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp, ông Trần Hữu T là công chứng viên đã chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn T chuyển nhượng đất cho Trần Thanh P diện tích 6.728m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thửa 92, tờ bản đồ số 08, toạ lạc tại xã Gáo G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp với giá là 60.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên do Nguyễn Thị Mỹ V là vợ ông T nhằm lẫn là thế chấp vay cho con gái Phan Thị Kim N số tiền 20.000.000 đồng nên đã ký vào hồ sơ chuyển nhượng mà không biết đây là hợp đồng bán đất. Hợp đồng này do môi giới đến nhà và được ký tại nhà mà không đến tại Văn phòng công chứng.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng ngày 02-11-2015 thì ông T hoàn toàn không biết, không ký tên, chữ ký Phan Văn T trong hợp đồng là chữ ký giả. Ông T không có nhận số tiền 20.000.000 đồng của ông Trần Thanh P, nhưng biên nhận lại ghi tên và ký tên của ông, chữ ký trong biên nhận ngày 02-11-2015 không phải là chữ ký của ông T. Hiện nay, ông P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này của ông T là việc làm trái pháp luật.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông T không không đồng ý trả số tiền nợ là 20.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02-11-2015 giữa ông Phan Văn T với ông Trần Thanh P diện tích 6.728m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, thửa 92, tờ bản đồ số 08, toạ lạc tại xã Gáo G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho ông T.

- Tại phiên hoà giải, bị đơn Nguyễn Thị Mỹ V trình bày: Bà V không cùng với hộ gia đình bà là ông Phan Văn T và Phan Thị Kim V vay số tiền là 60.000.000 đồng như lời trình bày của anh Trần Thanh P. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này thì bà Vân không có đến Văn phòng công chứng Đ để thực hiện việc ký kết mà việc bà ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do ông Lê Văn Ng, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ 2, ấp Hoà M, xã Hoà A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đưa cho bà ký tên, bà không có đọc và cũng không biết đó là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình bà với ông Trần Thanh P. Nay bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh Trần Thanh P.

- Bị đơn Phan Thị Kim N trình bày: Trước đây, chị Ngân có vay của anh P số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền này là do một mình chị vay và sử dụng, thoả thuận lãi suất là 3%/tháng (hiện đã trả lãi được 5 tháng, không có biên nhận về việc trả lãi), do ông Lê Văn N đưa và có ký tên vào biên nhận nợ với người cho mượn là ông Trần Thanh P, nhưng khi ký tên nhận nợ số tiền này thì chị N không ký tên của chị mà ký tên của ông Phan Văn T theo yêu cầu của ông Ng và có đưa cho ông Ng

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.728m², số 02329 ngày 07-01-2002 để bảo đảm việc trả nợ và được vay tiền của ông P, khi chị N vay tiền của anh Phong, chị N không biết anh P. Nay chị không đồng ý trả theo yêu cầu của anh Trần Thanh P mà chỉ đồng ý trả số tiền vay còn thiếu là 20.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Phan Thị Kim N đồng ý trả theo yêu cầu của anh Trần Thanh P.

Đối với yêu cầu độc lập của chị N yêu ông Ng trả nợ thì ông Ng đã có văn bản đồng ý trả cho anh Trần Thanh P số tiền 40.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu của anh P; được anh P, chị Ngân đồng ý nên chị Phan Thị Kim N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn Ng.

- Tại phiên hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Đ có ông Trần Hữu T là người đại diện hợp pháp (có đơn xin Hòa giải vắng mặt) có văn bản ý kiến như sau:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng công chứng giữa ông Trần Thanh P và ông Phan Văn T tại Văn phòng công chứng Đ có dấu hiệu hình sự với hành vi chiếm đoạt tài sản số tiền là 40.000.000 đồng của ông Lê Văn Ng đối với anh Trần Thanh P (có sự giúp sức cho ông Ng chiếm đoạt tài sản của ông Trần Thanh K (sinh năm 1960, địa chỉ: Số 15, Đường Nguyễn Thị Minh K, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp), vì việc vay tài sản dẫn đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là số tiền 60.000.000 đồng nhưng thực ra bên chuyển nhượng chỉ nhận được số tiền là 20.000.000 đồng. Do đó, Văn phòng công chứng Đ đề nghị Toà án đưa ông Lê Văn Ng và ông Trần Thanh K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để hai ông có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền là 40.000.000 đồng. Văn phòng Công chứng Đ đã có văn bản ngăn chặn việc sang tên quyền sử dụng đất gửi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CL. Đồng thời, Văn phòng Công chứng Đ đã có văn bản đề nghị Công an thành phố C khởi tố hành vi của ông Lê Văn Ng. Do việc công chứng hợp đồng và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện tại địa bàn huyện C nên Văn phòng công chứng Đ đề nghị chuyển hồ sơ giải quyết theo thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện CL. Văn phòng Công chứng Đ ý huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng giữa các bên.

- Ý kiến của ông Lê Văn Ng: Thừa nhận tại thời điểm làm biên nhận nợ và làm hợp đồng chuyển nhượng (Hợp đồng công chứng) thì chị Phan Thị Kim N chỉ có vay 20.000.000 đồng, còn ông có nhận số tiền 40.000.000 đồng. Khi làm biên nhận vay và làm hợp đồng chuyển nhượng đất công chứng thì chữ ký của ông Phan Văn T trong 02 văn bản trên đều là do chị Phan Thị Kim N giả mạo chữ ký của ông Tổng để ký vào. Nay ông đồng ý trả cho chị Phan Thị Kim N số tiền 40.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày làm hợp đồng đến nay để chị N trả lại cho ông Trần Thanh P.

Tại văn bản ý kiến ngày 06-02-2018 của ông Lê Văn Ng đồng ý trả cho anh P số tiền 40.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày làm hợp đồng đến nay.

- Về chứng cứ các bên giao nộp và thống nhất: 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 02-11-2015 (bản photo công chứng); 01 Biên nhận vay số tiền 60.000.000 đồng ngày 02-11-2015 (bản photo); 01 Biên nhận vay số tiền 20.000.000 đồng ngày 02-11-2015 (bản photo);

- Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như sau:

- + Buộc ông Phan Văn Tổng, Nguyễn Thị Mỹ V, Phan Thị Kim N trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận 3.000.000 đồng.

- + Buộc ông Lê Văn Ng trả số tiền vay là 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận là 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hủy văn bản công chứng vô hiệu nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hủy văn bản công chứng vô hiệu”.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cao Lãnh theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thanh P yêu cầu ông Phan Văn T, Nguyễn Thị Mỹ V, Phan Thị Kim N trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận 3.000.000 đồng; yêu cầu ông Lê Văn Ng trả số tiền vay là 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận là 2.000.000 đồng là phù hợp. Bởi vì, căn cứ vào lời trình bày của các bên đều thừa nhận số tiền chị N vay của anh P là 20.000.000 đồng, ông Ng vay của anh P là 40.000.000 đồng. Số tiền này chị N và ông Ng đều thừa nhận và đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của anh Trần Thanh P. Tuy nhiên, đối với ông Phan Văn T không có ký tên vào Hợp đồng công chứng và cũng không có nhận tiền nên chỉ buộc bà Nguyễn Thị Mỹ V và chị Phan Thị Kim N trả khoảng tiền 20.000.000 đồng và lãi cho anh Trần Thanh P.

Về phần tiền lãi từng khoản được tính và khấu trừ như sau: Từ ngày 02-11-2015 đến ngày 12-02-2018 là 27,3 tháng.

+ Vốn 20.000.000 đồng lãi là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 27,3 \text{ tháng} = 4.095.000 \text{ đồng}$, trừ 3.000.000 đồng đã nhận; còn lại phải trả là 1.095.000 đồng (4.095.000 đ – 3.000.000 đ).

+ Vốn 40.000.000 đồng lãi là: $40.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 27,3 \text{ tháng} = 8.190.000 \text{ đồng}$, trừ 2.000.000 đồng đã nhận; còn lại phải trả là 6.190.000 đồng (8.190.000 đ – 2.000.000 đ).

Như vậy: Bà Nguyễn Thị Mỹ V và Phan Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền vốn là 20.000.000 đồng, lãi 1.095.000 đồng, tổng cộng là 21.095.000 đồng; ông Lê Văn Ng có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền vốn là 40.000.000 đồng, lãi 6.190.000 đồng, tổng cộng 46.190.000 đồng.

- Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng 02-11-2015 giữa các bên thực chất đây chỉ là hợp đồng giả tạo, thực chất là hình thức thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản nợ vay giữa các bên chứ không có thực hiện việc chuyển nhượng đất giữa các bên. Ông Phan Văn T có yêu cầu Hủy hợp đồng công chứng nói trên được anh Trần Thanh P và Văn phòng Công chứng Đ đồng ý, xét thấy là phù hợp nên cần Hủy hợp đồng công chứng nói trên và trả giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lại cho ông Phan Văn T.

- Bị đơn Phan Thị Kim N có yêu cầu ông Lê Văn N trả số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất theo qui định của pháp luật để trả lại cho anh Trần Thanh P nhưng tại phiên tòa anh P yêu cầu anh Ng trả số tiền trên và rút lại yêu cầu đối với chị N; vấn đề này được ông Ng, chị N và anh P thống nhất đồng ý chuyển giao nợ và chị N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh P. Xét thấy là phù hợp nên đình chỉ yêu cầu này của chị N.

- Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ V không đồng ý trả số nợ còn thiếu cho anh Trần Thanh P nhưng bà thừa nhận ký vào Hợp đồng chuyển nhượng cho con là Phan Thị Kim N vay số tiền 20.000.000 đồng nên bà phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị N trả số tiền vay 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật cho anh Trần Thanh P.

- Văn phòng công chứng Đ thừa nhận trong quá trình làm Hợp đồng có sơ xuất nhưng đã phát hiện ra việc ông Ng gian dối để chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng từ Hợp đồng công chứng ngày 02-11-2015 và Văn phòng công chứng đã có văn bản yêu cầu ngăn chặn việc chuyển nhượng. Văn phòng công chứng đồng ý Hủy hợp đồng Công chứng nói trên, xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Đối với việc ông Trần Thanh K có làm trung gian trong việc vay mượn giữa các bên nhưng qua Văn bản tường trình của ông K cũng như xác nhận của anh P, ông Ng, chị N thì ông K đã giao tiền cho các bên xong và các đương sự không có yêu cầu gì đối với ông Trần Thanh K nên Tòa án không đưa ông K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa hai bên không thỏa thuận được lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ Thi hành án theo qui định của pháp luật nên bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về phát biểu của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và yêu cầu như sau:

+ Buộc ông Phan Văn T, Nguyễn Thị Mỹ V, Phan Thị Kim N trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận 3.000.000 đồng.

+ Buộc ông Lê Văn Ng trả số tiền vay là 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, trừ số tiền lãi đã nhận là 2.000.000 đồng.

Xét thấy phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng không buộc ông Phan Văn T có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì án phí được tính như sau:

- Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu mình được chấp nhận và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí như sau: Bà Nguyễn Thị Mỹ V và chị Phan Thị Kim N phải chịu 1.055.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng; ông Lê Văn Ng phải chịu 2.309.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do yêu cầu mình được chấp nhận.

- Văn phòng công chứng Đồng Tháp phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hủy hợp đồng công chứng vô hiệu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466; Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh P.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ V và chị Phan Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh P số tiền vốn là 20.000.000 đồng, lãi 1.095.000 đồng, tổng cộng là 21.095.000 đồng (hai mươi một triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

+ Buộc ông Lê Văn Ng có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh P số tiền vốn là 40.000.000 đồng, lãi 6.190.000 đồng, tổng cộng 46.190.000 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm chín chục ngàn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn T:

+ Hủy hợp đồng công chứng ngày 02-11-2015 số 1491/SCC, quyển 01 VPCC/HĐ-GĐ/2015 của Văn phòng công chứng Đ.

+ Anh Trần Thanh Phong có nghĩa vụ trả lại cho hộ ông Phan Văn T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U532646, thửa 92, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Gáo G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp đứng tên hộ ông Phan Văn T.

- Đình chỉ yêu cầu của chị Phan Thị Kim N về việc yêu cầu ông Lê Văn Ng trả nợ. Trả lại số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho chị Phan Thị Kim N nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí chị phải chịu trong vụ án.

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.680.000 đồng theo biên lai số 13252 ngày 15-3-2017 của Chi cục thi hành án thành phố C.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ V và chị Phan Thị Kim N phải chịu 1.055.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai số 00085 ngày 24-8-2017 của Chi cục thi hành án thành phố C, số còn lại phải nộp là 55.000 đồng.

- Ông Lê Văn Ng phải chịu 2.309.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án theo biên lai tạm ứng án phí số 08285 ngày 03-4-2017 của Chi cục thi hành án thành phố C.

- Văn phòng công chứng Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí do Hủy hợp đồng công chứng vô hiệu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Dương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tùng